MS.NGÂN'S ENGLISH

REMINDER
(*Dặn dò*)

Class code: E2A1
(*Mã số lớp*)
Teacher: Ms Ngan, Ms. Lettie, Ms. Tiffany
(*Giáo viên*)

Date: 12/11/2026
(*Ngày*)

Today's lesson
(Bài học hôm nay)

Vocabulary:

			
Town Thị trấn	**Address** Địa chỉ	**Lamp** Đèn	**Map** Bản đồ
			
Truck/Lorry Xe tải	**Wardrobe** Tủ quần áo	**Cleaner(s)** Nhân viên dọn vệ sinh	**Carry** Mang, vác, xách, cõng

LIVEWORKSHEETS

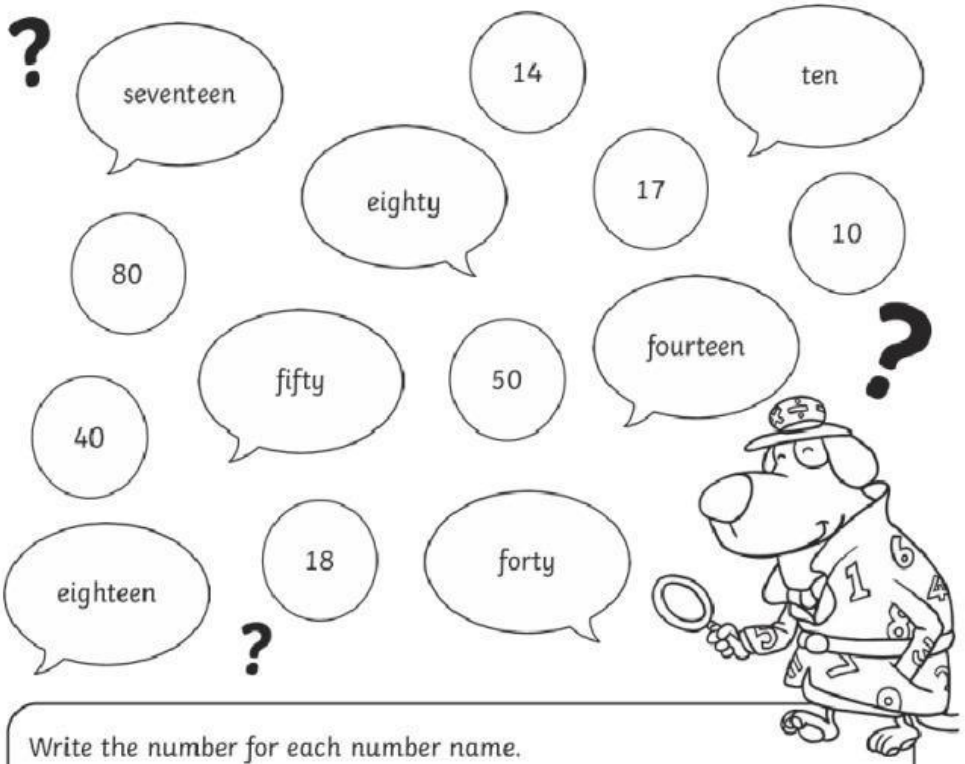
MS.NGÂN'S ENGLISH

Numbers:

	.....TEEN		.....TY
		20	
13	thirteen	30	thirty
14	fourteen	40	forty
15	fifteen	50	fifty
16	sixteen	60	sixty
17	seventeen	70	seventy
18	eighteen	80	eighty
19	nineteen	90	ninety

HOMEWORK

Draw a line to match each number to its number name.



Write the number for each number name.

ten _____ ninety _____ fifteen _____

forty _____ fourteen _____ seventeen _____

LIVEWORKSHEETS